



**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN**

**QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC:
Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài**

Mã hiệu: QT.TP.14

Lần ban hành: 08/00

Ngày ban hành: 24/7/2024

UBND QUẬN KIẾN AN	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Mã hiệu:	QT.TP.14
		Lần ban hành:	08/00
		Trang:	2/16

MỤC LỤC

LÝ LỊCH SỬA ĐỔI

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. CĂN CỨ PHÁP LÝ
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG
6. HỒ SƠ LƯU
7. BIỂU MẪU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Chức vụ	CHUYÊN VIÊN	PHÓ TRƯỞNG PHÒNG	CHỦ TỊCH UBND
Chữ ký			
Họ tên	Trần Thị Thu Huyền	Đỗ Ngọc Lan	Nguyễn Trường Sơn

UBND QUẬN KIẾN AN	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Mã hiệu:	QT.TP.14
		Lần ban hành:	08/00
		Trang:	3/16

LÝ LỊCH SỬA ĐỔI

[illegible]

UBND QUẬN KIẾN AN	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Mã hiệu:	QT.TP.14
		Lần ban hành:	08/00
		Trang:	4/16

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự, trách nhiệm và thời gian giải quyết TTHC của UBND quận đáp ứng yêu cầu pháp luật và yêu cầu của công dân.

2. PHẠM VI

- Áp dụng cho công dân.
- Áp dụng đối với Bộ phận Một cửa, Phòng Tư pháp của UBND quận

3. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Luật hộ tịch năm 2014;
- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;
- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 8/5/2020 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;
- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.
- Thông tư 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
- Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.
- Thông Tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài Chính;
- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 12/7/2018 về việc quy định chi tiết một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

UBND QUẬN KIẾN AN	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Mã hiệu:	QT.TP.14
		Lần ban hành:	08/00
		Trang:	5/16

- Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế 1 cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính Phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ: Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 3834/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi bổ sung một số Nghị quyết quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 miễn, giảm một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

UBND QUẬN KIẾN AN	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Mã hiệu:	QT.TP.14
		Lần ban hành:	08/00
		Trang:	6/16

- Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa) lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- UBND: Ủy ban nhân dân
- Bộ phận Một cửa: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính quận
- TTHC: Thủ tục hành chính
- Phòng TP: Phòng Tư pháp
- HS: Hồ sơ
- CT/PCT: Chủ tịch / Phó chủ tịch

5. NỘI DUNG

5.1 Thông tin chung

01	Lĩnh vực: Tư pháp
02	Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.
03	Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Tư pháp, UBND quận
04	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận TN & TKQ của UBND quận
05	Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tuyến một phần
06	Mẫu đơn, tờ khai: Tờ khai đăng ký lại kết hôn
07	Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh qua hệ thống bưu chính). - Trong trường hợp yêu cầu đăng ký lại kết hôn được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.
08	Kết quả TTHC: Giấy chứng nhận kết hôn

UBND QUẬN KIẾN AN	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Mã hiệu:	QT.TP.14
		Lần ban hành:	08/00
		Trang:	7/16

09	Thành phần hồ sơ / số lượng	Bản chính	Bản sao	Bản Phô tô
* Giấy tờ phải nộp				
	1. Tờ khai đăng ký lại kết hôn theo mẫu	X		
	2. Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn. không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của		X	
	3. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam cư trú trong nước (trong giai đoạn chuyển tiếp).	x		
	* Giấy tờ cần xuất trình			
	Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của cả hai bên có yêu cầu đăng ký lại kết hôn.			
	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
10	Điều kiện giải quyết TTHC:			
	- Việc kết hôn đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký kết hôn và bản chính Giấy chứng nhận kết hôn đều bị mất. - Cả hai bên yêu cầu đăng ký kết hôn còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại kết hôn.			
11	Lệ phí: miễn lệ phí			

UBND QUẬN KIẾN AN	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Mã hiệu:	QT.TP.14
		Lần ban hành:	08/00
		Trang:	8/16

5.2 Trình tự giải quyết

Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1: Nộp hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ			
- Tiếp nhận và đối chiếu thành phần hồ sơ. - Viết giấy tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ) (liên hệ với cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ). - Hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu không đầy đủ và chưa hợp lệ (liên hệ với cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ). - Cập nhật vào sổ theo dõi hồ sơ.	Chuyên viên tại Bộ phận Một cửa	½ ngày làm việc	- Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả - Phiếu hướng dẫn hoàn thiện bổ sung HS
Bước 2. Chuyển lãnh đạo phòng chuyên môn			
Chuyên viên PTP tại Bộ phận TN và TKQ xem xét các giấy tờ do người yêu cầu xuất trình và kiểm tra, đối chiếu Nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp chuyển hồ sơ cho Trưởng phòng TP	Chuyên viên	½ ngày làm việc	Phiếu kiểm soát HS/ Sổ giao nhận
Bước 3: Trưởng phòng Tư pháp chuyển chuyên viên thụ lý hồ sơ			
Thẩm định hồ sơ: - Nếu HS không đủ điều kiện giải quyết thì báo cáo trưởng phòng - Ra văn bản thông báo nêu rõ lý do	Chuyên viên Lãnh đạo	2 ngày làm việc (+8 ngày làm việc đối	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết

UBND QUẬN KIẾN AN	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Mã hiệu: QT.TP.14
		Lần ban hành: 08/00
		Trang: 9/16

không giải quyết - Trả lại hồ sơ kèm theo văn bản thông báo nêu rõ lý do cho cá nhân - Nếu HS chưa đủ điều kiện giải quyết thì báo cáo trưởng phòng - Ra văn bản thông báo bổ sung HS - Trả lại hồ sơ kèm theo văn bản thông báo cho cá nhân - Nếu HS đủ điều kiện giải quyết thì thực hiện bước tiếp theo	Phòng TP Chuyên viên Chuyên viên Lãnh đạo phòng TP Chuyên viên Chuyên viên	với hợp phải có văn bản xác minh)	Thông báo về việc bổ sung hồ sơ
Bước 4: Chuyển lãnh đạo phòng phê duyệt			
Ký phê duyệt vào Giấy chứng nhận kết hôn	Lãnh đạo phòng TP	1 ngày làm việc	Giấy đăng ký kết hôn
Bước 5: Trả kết quả (Trực tiếp)			
- Phòng Tư pháp vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa để thông báo cho cá nhân đến nhận trả kết quả. - Ghi việc kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ; hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn - Nếu trả kết quả trễ hạn thì lập phiếu xin lỗi nêu rõ lý do và hẹn lại ngày trả kết quả	Chuyên viên Chuyên viên Lãnh đạo phòng	1 ngày làm việc	- Phiếu xin lỗi - Sổ đăng ký kết hôn - Sổ theo dõi hồ sơ
Lưu ý	• <i>Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc được thực hiện tại từng bước công việc</i> • <i>Các bước và trình tự công việc có thể được thay đổi cho phù hợp với cơ cấu tổ chức và việc phân công nhiệm vụ cụ thể của mỗi đơn vị.</i> • <i>Tổng thời gian phân bổ cho các bước công việc không vượt quá thời gian quy định hiện hành của thủ tục này.</i>		

6. HỒ SƠ LƯU

TT	Hồ sơ lưu	Nơi lưu
----	-----------	---------

UBND QUẬN KIẾN AN	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Mã hiệu: QT.TP.14
		Lần ban hành: 08/00
		Trang: 10/16

1.	Bộ hồ sơ tổ chức nộp theo mục 5.1 (09)	Phòng Tư pháp
2.	Giấy chứng nhận kết hôn	Phòng Tư pháp
3.	Sổ đăng ký kết hôn	Phòng Tư pháp
4.	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ
5.	Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc	Bộ phận TN&TKQ
6.	Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ
<i>Thời gian lưu: Lâu dài</i>		

7. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
Các biểu mẫu theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP, , Thông tư 01/2022/TT-BTP		
1.	Mẫu số 01	Tờ khai đăng ký lại kết hôn
2.	Mẫu số 02	Sổ đăng ký kết hôn
Các biểu mẫu theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018		
3.	Mẫu số 01	Mẫu giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
4.	Mẫu số 02	Mẫu phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
5.	Mẫu số 03	Mẫu phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
6.	Mẫu số 04	Mẫu phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
7.	Mẫu số 05	Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
8.	Mẫu số 06	Mẫu sổ theo dõi hồ sơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI KẾT HÔN

Kính gửi: ⁽¹⁾.....

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Nơi cư trú: ⁽²⁾.....

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾.....

Đề nghị cơ quan đăng ký lại kết hôn theo nội dung dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên của vợ:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:Quốc tịch:

Nơi cư trú:⁽²⁾.....

Giấy tờ tùy thân:⁽³⁾.....

Họ, chữ đệm, tên của chồng:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:Quốc tịch:

Nơi cư trú:⁽²⁾.....

Giấy tờ tùy thân:⁽³⁾.....

Đã đăng ký kết hôn tại: ⁽⁴⁾.....

.....ngày tháng năm.....

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: ⁽⁵⁾....., Quyền số: ⁽⁵⁾.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Đề nghị cấp bản sao⁽⁶⁾: Có ☐, Không ☐

Số lượng:.....bản

.....

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại kết hôn.
- (2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.
- (3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).
- (4) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký kết hôn trước đây.
- (5) Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.
- (6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BỘ TƯ PHÁP

SỔ

ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Cơ quan đăng ký hộ tịch⁽¹⁾.....
.....
.....

Quyển số ⁽²⁾:

Mở ngày ⁽³⁾..... thángnăm.....

Khóa ngày ⁽⁴⁾.....thángnăm.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BỘ TƯ PHÁP

SỔ
ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Tên cơ quan đăng ký hộ tịch (1) phải ghi rõ tại trang bìa của sổ:

- Trường hợp Sổ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân cấp xã thì phải ghi đủ 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh);
- Trường hợp Sổ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì ghi đủ 02 cấp hành chính (huyện, tỉnh);
- Trường hợp Sổ đăng ký kết hôn của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì ghi tên của Cơ quan đại diện Việt Nam.

2. Mục quyền sổ (2), ghi số thứ tự của Sổ đăng ký kết hôn trong năm; ngày mở sổ (3) là ngày đăng ký sự kiện hộ tịch đầu tiên của sổ; ngày khóa sổ (4) là ngày đăng ký sự kiện hộ tịch cuối cùng của sổ; trường hợp chưa hết sổ mà hết năm thì ngày khóa sổ là ngày 31 tháng 12.

3. Sổ đăng ký (5), được ghi liên tục từ số 01 đến hết năm, không được để trùng số đăng ký.

Số ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn là số ghi tại đầu trang Sổ đăng ký kết hôn về việc kết hôn đó.

4. Sổ phải viết liên tiếp theo thứ tự từng trang, không được bỏ trống, phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ ngay tại thời điểm mở sổ.

5. Công chức làm công tác hộ tịch phải tự mình ghi vào sổ, nội dung ghi phải chính xác, theo đúng nội dung hồ sơ đăng ký kết hôn.

Chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không viết tắt, không tẩy xóa, viết bằng loại mực tốt, không sử dụng nhiều màu mực trong một sổ, không dùng mực đỏ.

6. Họ, chữ đệm, tên của vợ, chồng phải viết bằng chữ in hoa, có dấu;

Ngày, tháng, năm xác định theo dương lịch.

Nơi cư trú ghi theo nơi đăng ký thường trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú.

Trường hợp cư trú ở nước ngoài thì ghi theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

Giấy tờ tùy thân của vợ, chồng phải ghi rõ: tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ.

7. Ngày, tháng, năm xác lập quan hệ hôn nhân (6) là ngày, tháng, năm ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, vợ, chồng ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên trong Sổ đăng ký kết hôn.

Trường hợp đăng ký lại kết hôn thì ngày, tháng, năm xác lập quan hệ hôn nhân là ngày, tháng, năm đăng ký việc kết hôn trước đây.

Trường hợp đăng ký hôn nhân thực tế (theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP) thì ngày, tháng, năm xác lập quan hệ hôn nhân là thời điểm các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng.

Trường hợp không xác định được ngày đăng ký kết hôn trước đây, ngày xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng thì ghi ngày đầu tiên của tháng, năm đăng ký kết hôn trước đây, xác lập quan hệ chung sống; trường hợp không xác định được ngày, tháng thì ghi ngày 01 tháng 01 của năm đăng ký kết hôn trước đây, năm xác lập quan hệ chung sống.

Trường hợp quan hệ hôn nhân được Tòa án công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi ngày, tháng, năm quan hệ hôn nhân được công nhận theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Trường hợp thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định của Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ngày, tháng, năm xác lập quan hệ hôn nhân là ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn trước đây.

8. Cột bên phải tùy theo loại việc thực hiện cần đánh dấu vào ô tương ứng: Cuộc kết hôn lần đầu; Đăng ký lại; Ghi chú kết hôn (ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài).

Cuộc kết hôn lần đầu (7) là cuộc kết hôn mà cả vợ và chồng đều kết hôn lần thứ nhất.

9. Mục “Ghi chú” (8) để ghi thông tin trong trường hợp ghi chú kết hôn, ghi chú ly hôn (ghi rõ số, tên cơ quan, tên quốc gia, ngày, tháng, năm cấp Giấy chứng nhận kết hôn/bản án, quyết định, văn bản xác nhận việc ly hôn, hủy việc kết hôn); đăng ký lại kết hôn; đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo Điều 13 Luật hôn nhân và gia đình; ghi chú những thông tin thay đổi sau này; thông tin sửa chữa trong trường hợp có sai sót khi ghi sổ.

10. Trường hợp có sai sót khi ghi sổ, công chức làm công tác hộ tịch phải trực tiếp gạch bỏ phần sai sót, không được tẩy, xóa để viết lại, không chữa đề lên chữ cũ; nội dung sửa chữa được ghi vào mục “Ghi chú”(8); công chức làm công tác hộ tịch phải ghi rõ ngày, tháng, năm sửa chữa, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên; báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch duyệt, cho phép đóng dấu vào nội dung sửa chữa.

11. Năm đăng ký bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12.

Hết năm đăng ký phải thực hiện khóa sổ, thống kê tổng số sổ đã sử dụng, tổng số sự kiện kết hôn đã đăng ký trong năm, có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch.

Sổ đăng ký hộ tịch chỉ sử dụng trong năm, không sử dụng để tiếp tục đăng ký cho năm sau.

Số:⁽⁵⁾.....
...../...../.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:

Họ, chữ đệm, tên người vợ:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

.....

Giấy tờ tùy thân:

.....

Họ, chữ đệm, tên người chồng:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

.....

Giấy tờ tùy thân:

.....

Ngày, tháng, năm xác lập quan hệ hôn nhân: ⁽⁶⁾

.....

Họ, chữ đệm, tên, chức vụ của người ký Giấy chứng nhận kết hôn/

/Trích lục ghi chú kết hôn:

.....

.....

Vợ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chồng

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

.....

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Cuộc kết hôn lần đầu⁽⁷⁾:

Đăng ký lại:

Ghi chú kết hôn:

Ghi chú⁽⁸⁾

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....